

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục thuốc cấp cơ sở năm 2018, Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BYT ngày 05/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh, về thẩm quyền trong đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách Nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan Nhà nước, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo Báo cáo thẩm định số 174/BC-SYT ngày 26/4/2018 của Sở Y tế, về đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục thuốc cấp cơ sở năm 2018, Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột;

Xét đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột tại Tờ trình số 206/TT-BVTP ngày 19/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục thuốc cấp cơ sở năm 2018, Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột (chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục thuốc cấp cơ sở năm 2018 theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về giá và danh mục mua sắm thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

Giao Sở Y tế có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức thực hiện mua thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục thuốc cấp cơ sở năm 2018 theo đúng tiến độ và quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo cung ứng thuốc kịp thời phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu tại Phụ lục kèm theo Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KT. (Y_12)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



H'Yim Kđoh

PHỤ LỤC 2: GÓI THẦU THUỐC BIỆT DƯỢC GÓC HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐIỀU TRỊ CẤP CƠ SỞ NĂM 2018

Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột

(Kèm theo Quyết định số: **876** /QĐ-UBND ngày **27** /**4**/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1	Forane (hoặc TĐĐT)*	Isofluran	BDG	250ml	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Đường hô hấp	Chai/Lọ	1.124.100	20	22.482.000
2	Xylocaine Jelly (hoặc TĐĐT)*	Lidocain (hydroclorid)	BDG	2%, 30g	Gel	Dùng ngoài	Tuýp	55.600	12	667.200
3	Augmentin 250mg/31,25mg (hoặc TĐĐT)*	Amoxicilin + acid clavulanic	BDG	250mg + 31,25mg	Thuốc bột uống	Uống	Gói	10.998	12.000	131.976.000
4	Tobrex (hoặc TĐĐT)*	Tobramycin	BDG	3mg/ml, 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	39.999	2.500	99.997.500
5	Vigamox (hoặc TĐĐT)*	Moxifloxacin	BDG	0,5%, 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	90.000	500	45.000.000
6	Oflovid ophthalmic ointment (hoặc TĐĐT)*	Ofloxacin	BDG	3mg/g, 3,5g	Thuốc mỡ tra mắt	Tra mắt	Tuýp	74.530	110	8.198.300
7	Xatral XL 10mg (hoặc TĐĐT)*	Alfuzosin	BDG	10mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên	15.291	6.000	91.746.000
8	Lovenox (hoặc TĐĐT)*	Enoxaparin (natri)	BDG	40mg/0,4ml	Thuốc tiêm/ Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Tiêm	Bơm tiêm	85.381	540	46.105.740
9	Vastarel MR (hoặc TĐĐT)*	Trimetazidin	BDG	35mg	Viên nén bao phim giải phóng có biến đổi	Uống	Viên	2.705	10.000	27.050.000
10	Cordarone 150mg/3ml (hoặc TĐĐT)*	Amiodaron (hydroclorid)	BDG	150mg/3ml	Thuốc tiêm/ Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	30.048	10	300.480
11	Betaloc Zok (hoặc TĐĐT)*	Metoprolol	BDG	Metoprolol succinat 47,5mg (tương đương với Metoprolol tartrate 50mg)	Viên uống	Uống	Viên	5.779	6.000	34.674.000
12	Concor Cor (hoặc TĐĐT)*	Bisoprolol	BDG	2,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	3.050	2.000	6.100.000
13	Micardis (hoặc TĐĐT)*	Telmisartan	BDG	40mg	Viên uống	Uống	Viên	10.349	8.000	82.792.000
14	Crestor (hoặc TĐĐT)*	Rosuvastatin	BDG	5mg	Viên uống	Uống	Viên	9.975	5.000	49.875.000
15	Cavinton forte (hoặc TĐĐT)*	Vinpocetin	BDG	10mg	Viên uống	Uống	Viên	4.515	6.000	27.090.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
16	Pulmicort Respules (hoặc TĐĐT)*	Budesonid	BDG	500mcg/2ml (tương đương với 250mcg/ml)	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Khí dung	Ống	13.834	550	7.608.700
17	Diamicron MR tab 60mg 30's (hoặc TĐĐT)*	Gliclazid	BDG	60mg	Viên uống	Uống	Viên	5.460	20.000	109.200.000
18	Levemir FlexPen (hoặc TĐĐT)*	Insulin tác dụng chậm, kéo dài (Slow- acting, Long- acting)	BDG	100IU/ml, 3ml	Thuốc tiêm/ Dung dịch tiêm	Tiêm	Bút tiêm	277.999	80	22.239.920
19	NovoRapid Flexpen (hoặc TĐĐT)*	Insulin tác dụng nhanh, ngắn (Fast- acting, Short- acting)	BDG	100IU/ml, 3ml	Thuốc tiêm/ Dung dịch tiêm	Tiêm	Bút tiêm	225.000	23	5.175.000
20	Azopt (hoặc TĐĐT)*	Brinzolamid	BDG	1%, 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	116.699	100	11.669.903
21	Berodual (hoặc TĐĐT)*	Fenoterol + ipratropium	BDG	0,02mg/nhát t xịt + 0,05mg/nhát t xịt	Hộp 1 bình xịt 200 nhát xịt (10ml); Dung dịch để khí dung qua bình định liều	Xịt qua đường miệng	Bình	132.323	176	23.288.848
22	Ventolin Nebules (hoặc TĐĐT)*	Salbutamol (sulfat)	BDG	2,5mg/2,5ml	Khí dung	Khí dung	Ống	4.575	4.000	18.300.000
23	Combivent (hoặc TĐĐT)*	Salbutamol + ipratropium	BDG	(3mg + 0,52mg)/2,5 ml	Dung dịch khí dung	Dạng hít	Ống/Lọ	16.074	1.200	19.288.800
24	Bricanyl (hoặc TĐĐT)*	Terbutalin	BDG	0,5mg/ml	Thuốc tiêm/ Dung dịch tiêm	Tiêm, Tiêm truyền	Ống	11.990	50	599.500
Tổng cộng: 24 khoản										891.424.891